



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.665.209.847.072	1.279.203.391.869
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	164.171.454.114	161.000.344.322
1. Tiền	111		46.918.654.114	56.000.344.322
2. Các khoản tương đương tiền	112		117.252.800.000	105.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	20.741.438.000	18.883.098.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.585.287.362	21.971.245.925
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.843.849.362)	(3.088.147.925)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	1.251.047.355.015	982.607.653.959
1. Phải thu khách hàng	131		780.515.795.504	872.376.326.960
2. Trả trước cho người bán	132		11.564.205.655	79.744.036.318
3. Các khoản phải thu khác	135		468.793.376.853	41.710.123.149
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.826.022.997)	(11.222.832.468)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		181.220.986.722	85.395.570.916
1. Hàng tồn kho	141	V.04	183.311.396.740	87.333.986.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.090.410.018)	(1.938.415.992)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	48.028.613.221	31.316.724.672
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.038.362
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.357.254.105	23.709.966.582
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		21.588.969.041	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.082.390.075	7.596.719.728
B. Tài sản dài hạn	200		599.741.140.703	484.830.331.000
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		156.079.768.882	120.574.774.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	83.255.553.844	37.580.989.688
- Nguyên giá	222		107.862.248.896	57.650.122.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.606.695.052)	(20.069.132.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	31.557.260.638	38.266.812.860
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.358.142.271)	(648.590.049)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	41.266.954.400	36.996.759.543
- Nguyên giá	228		42.128.606.771	37.686.961.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(861.652.371)	(690.201.703)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	-	7.730.212.551
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.10	434.797.029.779	355.000.709.836
1. Đầu tư vào công ty con	251		346.346.000.000	265.584.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		43.390.000.000	43.390.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		76.970.767.544	77.778.994.814
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(31.909.737.765)	(31.752.284.978)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		8.864.342.042	9.254.846.522
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.862.864.399	6.253.368.879
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	3.001.477.643	3.001.477.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.264.950.987.775	1.764.033.722.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		1.713.090.707.143	1.201.506.608.313
I. Nợ ngắn hạn	310	V.12	1.661.807.391.102	1.107.975.089.486
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		771.168.031.005	599.040.984.670
2. Phải trả người bán	312		855.275.251.558	470.198.477.708
3. Người mua trả tiền trước	313		15.198.911.947	16.047.138.954
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		266.106.255	9.017.519.520
5. Phải trả người lao động	315		-	1.885.903.001
6. Chi phí phải trả	316		639.901.565	877.385.486
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		12.347.312.712	2.557.084.945
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.911.876.060	8.350.595.202
II. Nợ dài hạn	330	V.13	51.283.316.041	93.531.518.827
1. Vay và nợ dài hạn	334		51.283.316.041	22.298.620.867
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	71.232.897.960
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.14	551.860.280.632	562.527.114.556
I. Vốn chủ sở hữu	410		551.860.280.632	562.527.114.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		74.960.097.238	67.543.366.739
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.417.791.134	15.417.791.134
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.909.504.900	30.993.069.323
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.264.950.987.775	1.764.033.722.869

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826
5. Ngoại tệ các loại - USD	328.201,45	242.881,49
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính




Võ Thúy Oanh
Người lập biểu



Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2014


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay Từ ngày 01/10/2013 đến 31/12/2013	Năm trước Từ ngày 01/10/2012 đến 31/12/2012	Năm nay Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Năm trước Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		3.267.878.397.492	3.321.291.220.245	7.404.024.948.318	7.036.870.495.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		40.428.592	8.187.525.318	807.032.602	9.533.883.617
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.15	3.267.837.968.900	3.313.103.694.927	7.403.217.915.716	7.027.336.611.497
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	3.202.087.889.861	3.245.049.672.180	7.297.190.934.228	6.901.923.224.792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.750.079.039	68.054.022.747	106.026.981.488	125.413.386.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	41.496.289.289	29.861.339.754	88.849.204.679	81.604.765.735
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	42.511.291.675	27.659.151.079	74.605.585.479	61.058.730.923
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.560.090.688	19.791.603.200	44.025.247.397	48.010.918.529
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính			(484.894.513)	2.419.387.997	(86.845.776)	3.825.928.224
8. Chi phí bán hàng	24	VI.19	39.882.616.406	15.567.017.335	56.085.725.686	27.910.844.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.20	15.089.742.202	18.551.471.932	32.735.308.036	35.779.021.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.762.718.045	36.137.722.155	31.449.566.966	82.269.554.878
11. Thu nhập khác	31	VI.21	7.350.464.902	6.809.507.109	13.626.314.683	13.947.225.204
12. Chi phí khác	32	VI.22	6.720.553.740	2.398.827.100	12.407.111.214	2.649.959.393
13. Lợi nhuận khác	40		629.911.162	4.410.680.009	1.219.203.469	11.297.265.811
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.392.629.207	40.548.402.164	32.668.770.435	93.566.820.689
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23	-	5.827.471.768	-	10.953.674.791
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		390.504.480	(6.253.368.879)	390.504.480	(6.253.368.879)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.002.124.727	40.974.299.275	32.278.265.955	88.866.514.777
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	339	1.388	1.094	3.011

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.


 Võ Thúy Oanh
 Người lập biểu


 Đỗ Đoàn Thành Công
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32.668.770.435	93.566.820.689
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.418.565.321	6.369.976.470
Các khoản dự phòng	03	(1.331.661.221)	15.280.356.802
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(874.032.279)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(63.950.960.623)
Chi phí lãi vay	06	44.025.247.397	48.010.918.529
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	86.780.921.932	98.403.079.588
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(341.537.915.958)	108.783.500.410
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(95.977.409.832)	2.825.922.431
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	163.281.018.597	(258.750.649.875)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	10.038.362	127.300.272
Tiền lãi vay đã trả	13	(40.439.789.679)	(47.133.533.043)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.333.750.028)	(8.217.193.229)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(4.485.670.347)	144.150.685.527
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.921.621.959)	(374.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(248.624.178.912)	39.815.112.081
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(90.609.879.645)	(48.679.319.427)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.996.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.450.000.000)	(176.611.333.754)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.550.000.000	176.611.333.754
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(82.329.814.167)	(89.891.882.826)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14.456.572.000	12.374.536.098
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.854.700.289	63.950.960.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(106.532.421.523)	(62.245.705.532)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.022.702.996.691	6.581.622.066.982
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.622.950.179.694)	(6.503.534.907.345)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(6.011.124.370)	(2.049.572.708)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.413.982.400)	(38.365.139.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	358.327.710.227	37.672.447.529
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.171.109.792	15.241.854.078
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	161.000.344.322	145.807.322.249
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(48.832.005)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	164.171.454.114	161.000.344.322

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


Võ Thúy Oanh
Người lập biểu


Đỗ Đoàn Thành Công
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2013: 91 người.

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33 đường Trung tâm, KCN Tân Tạo, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	82,10%	82,10%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35,00%	35,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 03 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập

10. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013	01/01/2013
Tiền mặt	219.625.449	1.917.315.538
Tiền gửi ngân hàng	(*) 163.951.828.665	159.083.028.784
Cộng	164.171.454.114	161.000.344.322

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền ngân hàng có gốc ngoại tệ là USD328,201.45 tương đương 6.919.801.480 đồng.

2. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
Cho vay có kỳ hạn	16.000.000.000	1.200.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.1) 7.585.287.362	10.771.245.925
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.1) (2.843.849.362)	(3.088.147.925)
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long		10.000.000.000
Cộng	20.741.438.000	18.883.098.000

(2.1) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2013

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Gửi ngân hàng đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	171.700	3.976.895.462	(1.744.795.462)	2.232.100.000
Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	(*)			
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(*) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(*) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		7.585.287.362	(2.843.849.362)	4.741.438.000

(*) Trong năm 2013, Công ty đã nhận cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 385.376.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	(3.1) 780.515.795.504	872.376.326.960
Trả trước cho người bán	(3.2) 11.564.205.655	79.744.036.318
Phải thu khác	(3.3) 468.793.376.853	41.710.123.149
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.826.022.997)	(11.222.832.468)
Cộng	1.251.047.355.015	982.607.653.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2013	01/01/2013
(3.1) Bao gồm:		
- Phải thu thương mại	277.847.517.506	439.852.402.949
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII)	502.668.277.998	432.523.924.011
Cộng	780.515.795.504	872.376.326.960
(*) Trong đó, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ là USD3,183,208.60 tương đương 66.961.976.111 đồng.		
(3.2) Bao gồm:		
- Trả trước thương mại	1.334.054.863	69.707.555.624
- Trả trước đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	10.230.150.792	10.036.480.694
Cộng	11.564.205.655	79.744.036.318
(3.3) Bao gồm:		
- Phải thu BHXH		56.859.361
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	456.083.228.056	40.951.066.754
- Phải thu nợ đọng khó đòi	12.069.129.090	
- Các khoản phải thu khác	641.019.707	702.197.034
Cộng	468.793.376.853	41.710.123.149
4. Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
Giá mua hàng hoá	179.817.210.155	86.712.610.519
Chi phí thu mua hàng hoá	3.494.186.585	621.376.389
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.090.410.018)	(1.938.415.992)
Cộng	181.220.986.722	85.395.570.916
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	10.038.362
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14.357.254.105	23.709.966.582
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	21.588.969.041	-
Tài sản ngắn hạn khác	12.082.390.075	7.596.719.728
Cộng	48.028.613.221	31.316.724.672
(5.1) Bao gồm:		
- Thuế TNDN đã nộp trước	1.512.585.432	
- Thuế GTGT để nghị hoàn	20.076.383.609	
Cộng	21.588.969.041	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(5.2) Bao gồm:	31/12/2013	01/01/2013
- Các khoản tạm ứng	4.599.910.075	257.700.000
- Ký quỹ thuê văn phòng	19.000.000	19.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	2.825.000.000	2.743.359.728
- Ký quỹ mua hàng hoá (USD220,000)	4.638.480.000	4.576.660.000
Cộng	12.082.390.075	7.596.719.728

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.324.680.901	186.929.800	17.595.398.114	13.509.375.312	57.616.384.127
Tăng	-	50.039.231.075	-	1.573.337.936	51.612.569.011
Giảm	-	-	692.803.707	673.900.535	1.366.704.242
Số dư cuối kỳ	26.324.680.901	50.226.160.875	16.902.594.407	14.408.812.713	107.862.248.896
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.678.602.140	145.384.124	7.461.704.284	8.783.442.073	20.069.132.621
Tăng	1.173.086.672	30.198.924	1.489.552.323	2.452.317.524	5.145.155.443
Giảm	-	-	-	607.593.012	607.593.012
Số dư cuối kỳ	4.851.688.812	175.583.048	8.951.256.607	10.628.166.585	24.606.695.052
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	22.646.078.761	41.545.676	10.133.693.830	4.725.933.239	37.547.251.506
Số dư cuối kỳ	21.472.992.089	50.050.577.827	7.951.337.800	3.780.646.128	83.255.553.844

Tài sản cố định giảm do nhượng bán và chuyển sang công cụ, dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.832.689.115 đồng.

Tại ngày 31/12/2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 79.598.797.135 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá	38.915.402.909
Khấu hao phát sinh năm 2013	6.709.552.222
Khấu hao lũy kế đến 31/12/2013	7.358.142.271
Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013	31.557.260.638

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	37.332.567.430	342.393.816	37.674.961.246
Tăng	-	4.453.645.525	4.453.645.525
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(*) 37.332.567.430	4.796.039.341	42.128.606.771
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	381.534.556	296.667.147	678.201.703
Tăng	60.254.556	123.196.112	183.450.668
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	441.789.112	419.863.259	861.652.371
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	36.951.032.874	45.726.669	36.996.759.543
Số dư cuối kỳ	36.890.778.318	4.376.176.082	41.266.954.400

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng; quyền sử dụng đất vô thời hạn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trị giá 1.374.739.810 đồng (đang làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mang tên Công ty); và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng.

Nguyên giá phần mềm máy vi tính cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 251,738,816 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn (33.607.900.000 đồng) được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí liên quan đến việc lắp đặt phần mềm ERP		7.730.212.551
Cộng	-	7.730.212.551
10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	(10.1) 346.346.000.000	265.584.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(10.1) 43.390.000.000	43.390.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(10.2) 76.970.767.544	77.778.994.814
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.2) (31.909.737.765)	(31.752.284.978)
Cộng	434.797.029.779	355.000.709.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.1) bao gồm:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 30/09/2013
Công ty con			
(*) - Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100,00%	100,00%	100.000.000.000
(*) - Công ty TNHH Thép SMC	100,00%	100,00%	60.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100,00%	100,00%	30.000.000.000
(*) - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100,00%	100,00%	20.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	100,00%	100,00%	80.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội	82,10%	82,10%	26.346.000.000
Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50,00%	50,00%	41.640.000.000
- Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt (**)	35,00%	35,00%	1.750.000.000
Cộng			389.736.000.000

(*) Trong năm 2013, Công ty đã nhận được lợi nhuận được chia từ các công ty này bằng tiền là 30.548.640.752 đồng.

(**) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thỏa thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên.

(10.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2013

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	28.099.960.344	(12.739.960.344)	15.360.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(8.011.911.200)	4.163.896.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.064.500.000)	655.500.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
Tổng Công ty Thép	1.000.000	10.100.000.000		10.100.000.000
Cộng		76.970.767.544	(29.816.371.544)	47.154.396.000

(*) Trong năm 2013, Công ty đã nhận được cổ tức được chia bằng tiền là 703.244.980 đồng.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
(10.3) Bao gồm:				
Đầu tư vào công ty con		346.346.000.000	(758.116.221)	345.587.883.779
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		43.390.000.000	(1.335.250.000)	42.054.750.000
Đầu tư dài hạn khác		76.970.767.544	(29.816.371.544)	47.154.396.000
Cộng		466.706.767.544	(31.909.737.765)	434.797.029.779
11. Tài sản dài hạn khác			31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(11.1)	5.862.864.399		6.253.368.879
Tài sản dài hạn khác	(11.2)	3.001.477.643		3.001.477.643
Cộng		8.864.342.042		9.254.846.522
(11.1) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau		31/12/2013		01/01/2013
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		2.456.505.749		2.805.708.117
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		3.406.358.649		3.406.358.650
- Lỗi chênh lệch tỷ giá				41.302.112
Cộng		5.862.864.399		6.253.368.879
(11.2) bao gồm:		31/12/2013		01/01/2013
Khoản ký quỹ tại Cty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế VN		3.001.477.643		3.001.477.643
Cộng		3.001.477.643		3.001.477.643
12. Nợ ngắn hạn			31/12/2013	01/01/2013
Vay và nợ ngắn hạn	(12.1)	771.168.031.005		599.040.984.670
Phải trả người bán	(12.2)	855.275.251.558		470.198.477.708
Người mua trả tiền trước	(12.3)	15.198.911.947		16.047.138.954
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(12.4)	266.106.255		9.017.519.520
Phải trả người lao động		-		1.885.903.001
Chi phí phải trả (chi phí lãi vay)		639.901.565		877.385.486
Các khoản phải trả khác	(12.5)	12.347.312.712		2.557.084.945
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.911.876.060		8.350.595.202
Cộng		1.661.807.391.102		1.107.975.089.486
(12.1) bao gồm:		31/12/2013		01/01/2013
Vay ngắn hạn bằng VND				
- NH TMCP Công Thương Việt Nam	(a)	317.631.729.083		112.970.154.367
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(b)	299.140.553.903		168.959.454.147
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(c)	110.621.591.443		72.000.000.000
- Ngân hàng TMHH MTV ANZ Việt Nam	(d)	-		83.164.547.364
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (VN)	(e)	-		132.000.000.000
- Công ty TNHH SMC-Summit				24.000.000.000
- Vay nội bộ cá nhân		37.747.000.000		
Nợ dài hạn thuê mua tài chính đến hạn trả		6.027.156.576		5.946.828.792
Cộng		771.168.031.005		599.040.984.670

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDHM/NHCT900-SMC ngày 12/08/2013 với hạn mức tín dụng là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 3 đến 6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 41.304.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là **317.631.729.083 đồng**.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/04/2013 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng; thời hạn vay: 4-6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là **299.140.553.903 đồng**.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM0113032 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty CP SMC Hà Nội, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ngày 14/05/2013 với tổng hạn mức là 280 tỷ đồng, thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là **110.621.591.443 đồng**.

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) ngày 01/12/2011 với tổng hạn mức là 10.000.000 USD (Mười triệu dola Mỹ), thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là **0 đồng**.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số SBFL/13-85 ngày 10/06/2013 với hạn mức tín dụng là 20.000.000 USD (Hai mươi triệu dola Mỹ). Thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là **0 đồng**.

(12.2) Trong đó, phải trả người bán có gốc ngoại tệ 29,201,541.32 USD tương đương 617.199.518.109 đồng.

(12.3) Bao gồm:

- Các bên liên quan trả trước (thuyết minh số VII.2)

- Các khoản người mua trả trước thương mại

Cộng

31/12/2013

01/01/2013

10.899.969.033

15.198.911.947

5.147.169.921

15.198.911.947

16.047.138.954

(12.4) Bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

31/12/2013

01/01/2013

3.992.252

3.293.335.493

-

5.441.276.692

262.114.003

282.907.335

266.106.255

9.017.519.520

(12.5) Bao gồm:

- Kinh phí công đoàn, đoàn thể phí

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt

- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.2)

- Các khoản phải trả khác

Cộng

31/12/2013

01/01/2013

87.418.378

730.402.542

1.194.750.000

1.185.000.000

10.899.969.033

258.199.778

165.175.301

383.482.625

12.347.312.712

2.557.084.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nợ dài hạn		31/12/2013	01/01/2013
Vay và nợ dài hạn	(13.1)	51.283.316.041	22.298.620.867
Doanh thu chưa thực hiện	(13.2)	-	71.232.897.960
Cộng		51.283.316.041	93.531.518.827

Nợ Dài hạn:

Nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	USD	Tương đương VND
- Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	421.396,21	8.884.717.693
- Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	364.634,27	7.687.948.949
Cộng	786.030,48	16.572.666.641
- Nợ dài hạn đến hạn trả	285.864,00	6.027.156.576

Vay dài hạn:

Vay trung hạn của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Shinhan Bank): 1.645.000 USD tương đương 34.710.649.400 đồng (tỷ giá 21.100VND/USD). Thời hạn vay 5 năm. Mục đích vay để giải ngân mua máy móc thiết bị Nhập khẩu trực tiếp của nhà sản xuất Đài Loan – Well Time Steel, phục vụ đầu tư máy móc sản xuất tại SMC Tân Tạo.

- Hợp đồng số SHBVN/2013/SMC/HĐTĐ01 ngày 05/04/2013.	1.645.000,00	34.710.649.400
Cộng	1.645.000,00	34.710.649.400

14. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/12/2013
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
(b) Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	67.543.366.739	7.416.730.499		74.960.097.238
Quỹ dự phòng tài chính	15.417.791.134			15.417.791.134
(c) Lợi nhuận chưa phân phối	30.993.069.323	32.283.265.955	50.366.830.378	12.909.504.900
Cộng	562.527.114.556	39.699.996.454	50.366.830.378	551.860.280.632

(a) Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 ngày 06/11/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Tính đến 31/12/2013, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/CP làm cổ phiếu quỹ.

(c) Lợi nhuận sử dụng phân phối

- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2013		30.993.069.323
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2013		32.278.265.955
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2012		(7.416.730.499)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2012		(5.247.470.585)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 2/2012		(220.000.000)
- Trả cổ tức (đợt cuối) năm 2012 bằng tiền	(*)	(20.658.156.400)
- Trả cổ tức (đợt 1) năm 2013 bằng tiền	(**)	(14.755.826.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 1/2013		(200.000.000)
- Thu tiền phạt thành viên Ban Kiểm soát		5.000.000
- Ảnh hưởng do Quyết toán giải thể Chi nhánh Hà Nội		(121.323.104)
- Ảnh hưởng do Thanh tra Quyết toán thuế năm 2011-2012		(1.747.323.790)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2013		12.909.504.900

(*) Ngày 09 tháng 01 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền là 7% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 09/01/2013.

(**) Ngày 26 tháng 06 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền là 5% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 138/2013/NQ-HĐQT ngày 26/06/2013.

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
15. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	7.402.204.778.318	7.035.357.366.214
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.820.170.000	1.513.128.900
Hàng bán bị trả lại	(452.207.002)	(3.275.393.229)
Giảm giá hàng bán	(354.825.600)	(6.258.490.388)
Cộng	7.403.217.915.716	7.027.336.611.497
	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
16. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thép các loại xuất bán trong kỳ	7.297.038.940.202	6.899.984.808.800
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	151.994.026	1.938.415.992
Cộng	7.297.190.934.228	6.901.923.224.792

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.958.023.250	9.728.713.438
Lãi ký quỹ, trái phiếu, cho vay	1.557.600.000	435.934.467
Điều chuyển lợi nhuận từ các Công ty TV	30.548.640.752	48.181.229.525
Ứng/hỗ trợ vốn Công ty Con	18.701.815.307	5.877.445.218
Chênh lệch tỷ giá	19.329.763.072	5.522.817.691
Bán chứng khoán	14.456.572.000	5.817.607.736
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.088.620.980	6.041.017.660
Thu phí bảo lãnh	208.169.318	
Cộng	88.849.204.679	81.604.765.735

18. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
Lãi vay	44.025.247.397	48.010.918.529
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(86.845.776)	3.825.928.224
Bán chứng khoán	14.102.185.833	4.614.796.008
Chênh lệch tỷ giá	16.564.998.025	4.607.088.162
Cộng	74.605.585.479	61.058.730.923

19. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
Chi phí nhân viên	6.031.665.609	6.840.856.669
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.242.180	7.344.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	548.598.399	2.866.299.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.637.643.366	16.819.461.055
Chi phí bằng tiền khác	12.857.576.132	1.376.883.654
Cộng	56.085.725.686	27.910.844.640

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
Chi phí nhân viên quản lý	8.478.825.108	9.404.238.001
Chi phí dụng cụ văn phòng	517.246.052	98.642.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.572.857.124	2.855.087.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.231.878.599	10.743.116.580
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.396.809.471)	9.703.236.412
Chi phí bằng tiền khác	3.331.310.624	2.974.701.211
Cộng	32.735.308.036	35.779.021.999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
21. Thu nhập khác		
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.383.272.727	
Thu lãi quá hạn	2.243.736.717	9.847.447.546
Xử lý kiểm kê	232.175.311	592.121.586
Thu từ bồi thường	1.340.921.246	593.523.051
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh, phát hành...	24.385.839	1.577.438.016
Thu nhập khác	401.822.843	1.336.695.005
Cộng	13.626.314.683	13.947.225.204
22. Chi phí khác		
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính sử dụng cho thuê	6.709.552.222	648.590.023
Chi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.940.000.000	
Các khoản tiền phạt	64.492.971	15.733.007
Chi do bồi thường	30.508.421	
Xử lý kiểm kê	2.627.773.512	878.606.523
Chi phí khác	34.784.088	1.107.029.840
Cộng	12.407.111.214	2.649.959.393
23. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	349.202.368	(2.805.708.117)
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	0	(3.406.358.650)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	41.302.112	(41.302.112)
Cộng	390.504.480	(6.253.368.879)
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.668.770.435	93.566.820.689
Chi phí không được trừ	64.492.971	853.028.315
Lỗ (Lãi) chênh lệch tỷ giá	(401.493.993)	165.208.449
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		12.526.380.698
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(1.396.809.471)	9.703.236.412
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(31.637.261.732)	(54.222.247.185)
Thu nhập tính thuế	(702.301.790)	62.592.427.378
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	10.953.674.791

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012
25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	517.246.052	105.986.636
Chi phí nhân công	14.510.490.717	16.245.094.670
Chi phí khấu hao	6.121.455.523	5.721.386.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.869.521.965	27.562.577.635
Chi phí khác bằng tiền	16.188.886.756	14.054.821.277
Cộng	90.207.601.013	63.689.866.639

VII Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	8.321.128.724
		Phải thu khác	192.582.303.638
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	247.281.011.576
		Phải thu khác	213.574.489.196
Công ty TNHH MTV Kinh doanh thép SMC	Công ty con	Phải thu	109.398.287.119
		Phải thu khác	618.037.471
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải thu	127.424.916.800
		Phải thu khác	15.517.873.208
		Phải trả khác	-
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải trả khác	10.899.969.033
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Phải thu	2.153.607.801
		Phải thu khác	7.067.805.225
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu	-
		Phải thu khác	26.514.550.000
		Trả trước người bán	10.230.150.792
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	8.089.325.978
		Phải thu khác	208.169.318

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	187.522.314.759
		Cung cấp dịch vụ	6.000.000
		Lãi ứng vốn	6.800.776.727
		Nhận lợi nhuận được chia	7.291.244.026
		Mua hàng hoá	275.560.038
		Nhận cung cấp dịch vụ	175.094.280
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hoá	803.454.984.096
		Cung cấp dịch vụ	413.160.000
		Lãi ứng vốn	1.256.047.394
		Nhận lợi nhuận được chia	2.464.947.276
		Mua hàng hoá	304.467.016.997
		Nhận cung cấp dịch vụ	181.118.045
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	1.047.466.055.670
		Cung cấp dịch vụ	84.000.000
		Lãi ứng vốn	7.783.107.573
		Nhận lợi nhuận được chia	17.907.007.519
		Mua hàng hoá	62.271.022.639
		Nhận cung cấp dịch vụ	860.364.663
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	750.559.030.238
		Cung cấp dịch vụ	78.000.000
		Nhận lợi nhuận được chia	2.885.441.931
		Lãi ứng vốn	147.926.000
		Mua hàng hoá	43.355.353.510
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hoá	44.121.783.390
		Lãi ứng vốn	2.713.957.613
		Mua hàng hoá	15.001.072.583
Công ty Cổ phần SMC Tân Tạo	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	571.135.265
		Bán hàng hoá	2.110.250.934
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Bán hàng hoá	541.511.438.310
		Cung cấp dịch vụ	1.407.179.318
		Mua hàng hoá	126.038.021.817

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Thông tin khác

Doanh thu Thuần
Lợi nhuận sau thuế

Năm 2013	Năm 2012
7.403.217.915.716	7.027.336.611.497
32.278.265.955	88.866.514.777

- Doanh thu thực hiện năm 2013 tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2013 giảm 64% so với cùng kỳ năm 2012.

Nguyên nhân do:

- Lợi nhuận gộp năm 2013 giảm 15% tương ứng giảm 19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2012.
- Doanh thu tài chính tăng 7,2 tỷ đồng, tuy nhiên trong đó nhận lợi nhuận điều chuyển từ các Công ty Con về trong năm 2013 giảm 18 tỷ đồng so với năm 2012. Doanh thu tài chính tăng không bù được tương ứng với Chi phí tài chính tăng 13,8 tỷ đồng, mặc dù trong đó chi phí lãi vay Ngân hàng đã giảm 8,3% tương ứng giảm 4 tỷ đồng so với năm 2012.
- Chi phí bán hàng tăng 101% tương ứng tăng 28,2 tỷ đồng, do chi phí vận chuyển tăng cao 141% tương ứng tăng 21 tỷ so với năm 2012
- Chi tiêu về Lợi nhuận khác giảm 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2012.

Các nguyên nhân trên làm Lợi nhuận sau thuế năm 2013 thay đổi giảm 57 tỷ tương ứng giảm 64% so với năm 2012.

Doanh thu Thuần
Lợi nhuận sau thuế

Quý IV năm 2013	Quý IV năm 2012
3.267.837.968.900	3.313.103.694.927
10.002.124.727	40.974.299.275

- Doanh thu thực hiện Quý IV năm 2013 giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện Quý IV năm 2013 giảm 76,2% so với cùng kỳ năm 2012.

Nguyên nhân do:

- Doanh thu trong Quý IV ổn định và giảm nhẹ làm Lợi nhuận gộp cũng giảm nhẹ 3,4% tương ứng giảm 2,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2012.
- Lãi vay Ngân hàng tăng 9% tương ứng tăng 1,8 tỷ đồng.
- Chi phí bán hàng tăng cao 24,3 tỷ đồng, do chi phí vận chuyển tăng cao 138% tương ứng 6 tỷ so với cùng kỳ năm 2012
- Chi tiêu về Lợi nhuận khác giảm 3,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2012.

Các nguyên nhân trên làm Lợi nhuận sau thuế Quý IV/2013 thay đổi giảm 31 tỷ tương ứng giảm 76,2% so với Quý IV/2012.



Võ Thúy Oanh
Người lập biểu



Đỗ Đoàn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2014